

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-
CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện
pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực
hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống
thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 117/TTr-
SGDDT ngày 14 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 114 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này cho phù hợp.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC	Tên thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH			
1	1.005098.000.00.00.H34	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh (Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ0940) 2) Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt) (Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ1338) 3) Biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi đăng ký dự thi (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0939) 4) Hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12 (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0940)
2	1.005142.000.00.00.H34	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 21/06/2024	1) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu (gọi chung là bản sao) học bạ THPT hoặc học bạ giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc phiếu kiểm tra của người học theo hình thức tự học

				đối với giáo dục thường xuyên do Hiệu trưởng trường phổ thông cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1344</i>) 2) Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1344</i>); 3) File ảnh (hoặc 02 ảnh 4x6 trong trường hợp đăng ký dự thi trực tiếp) kiểu căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001507</i>) 4) 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1354</i>)
3	1.005095.000.00.00.H34	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/04/2020	1) Đơn phúc khảo của thí sinh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0932</i>)
II	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC			
1	1.005015.000.00.00.H34	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1154</i>) 2) Đề án thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001902</i>) 3) Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1156</i>)
2	1.004999.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (theo

				Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP)(Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ1156</i>) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ001923</i>) 3) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên tư thục (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ001924</i>)
3	1.004991.000.00.00.H34	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1) Đề án giải thể trường trung học (theo Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ001596</i>) 2) Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường (theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ001595</i>)
4	1.005053.000.00.00.H34	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học (Mã <i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ0651</i>) 2) Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học gồm các nội dung: Tên trung tâm, địa điểm đặt trung tâm, sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập trung tâm; mục tiêu, nhiệm vụ của trung tâm; chương trình giảng dạy, quy mô đào tạo; cơ sở vật chất

				của trung tâm; cơ cấu tổ chức của trung tâm, sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc trung tâm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0822) 3) Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1052)
5	1.005049.000.00.00.H34	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0810) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập trung tâm do người có thẩm quyền cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0811) 3) Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0812) 4) Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0813)
6	1.005025.000.00.00.H34	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1016)
7	1.005043.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0807) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học gồm các nội dung: Tên trung

				tâm, địa điểm đặt trung tâm, sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập trung tâm; mục tiêu, nhiệm vụ của trung tâm; chương trình giảng dạy, quy mô đào tạo; cơ sở vật chất của trung tâm; cơ cấu tổ chức của trung tâm, sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc trung tâm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0808) 3) Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1052)
8	1.005466.000.00.00.H34	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Văn bản đề nghị thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1136) 2) Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập theo quy định hiện hành về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1137)
9	1.005195.000.00.00.H34	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập và quyết định cho phép thành lập trung tâm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001481) 2) Văn bản đề nghị cho phép hoạt động giáo dục, trong đó nêu rõ điều kiện đáp ứng hoạt động tương ứng với các nhiệm vụ (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001480)
10	1.005359.000.00.00.H34	Cho phép trung tâm hỗ trợ	Quyết định số	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở

		và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1016</i>)
11	1.004712.000.00.00.H34	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc tổ chức lại trung tâm (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0698</i>) 2) Phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0699</i>)
12	2.001805.000.00.00.H34	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0630</i>) 2) Đề án giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0631</i>) 3) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1066</i>)
13	1.000181.000.00.00.H34	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/04/2020	1) Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung tờ trình nêu rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, tổ chức bộ máy, tài chính và các nguồn lực khác; cam kết bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp quản lý nơi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng

				sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0228</i>) 2) Giấy phép đăng ký kinh doanh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0229</i>) 3) Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0322</i>) 4) Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0231</i>)
14	1.001000.000.00.00.H34	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/04/2020	1) Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0321</i>) 2) Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0322</i>)

				3) Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0323</i>)
15	1.005061.000.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1) Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0847</i>); 2) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0848</i>); 3) Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001835</i>).
16	2.001985.000.00.00.H34	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0940</i>) 2) Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm)

				hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1338</i>) 3) Biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi đăng ký dự thi (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0849</i>)
17	2.001987.000.00.00.H34	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1) Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001591</i>)
18	1.005008.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	2) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001588</i>) 3) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001589</i>) 4) Văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục (Đối với trường THPT chuyên tư thục) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001921</i>) 5) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường;

				nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001601</i>)
19	1.004988.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1016</i>)
III	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI			
1	1.001492.000.00.00.H34	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0368</i>)
2	1.001499.000.00.00.H34	Phê duyệt liên kết giáo dục	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0382</i>) 2) Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên đối với nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1103</i>) 3) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu

				Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1104</i>) 4) Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1105</i>) 5) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1106</i>) 6) Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1107</i>) 7) Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; cơ sở vật chất, thiết bị; danh sách giáo viên dự kiến kèm theo lý lịch chuyên môn; đối tượng, tiêu chí và quy mô tuyển sinh; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp, tính tương đương của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (nếu có); biện pháp đảm
--	--	--	--	--

				bảo quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, sự hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên và học sinh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1108</i>)
3	1.001497.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký tại Mẫu số 04 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0379</i>) 2) Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0380</i>) 3) Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0381</i>)
4	1.001496.000.00.00.H34	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đề nghị chấm dứt liên kết giáo dục với nước ngoài theo Mẫu số 05 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt liên kết, các biện pháp đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động,

				phương án giải quyết tài chính, tài sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0378</i>)
5	1.000939.000.00.00.H34	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đề án thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, trong đó xác định rõ: Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành. Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0295</i>) 2) Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0296</i>) 3) Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0299</i>) 4) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại NDD124/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001627</i>) 5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm

				theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001766) 6) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu của địa phương hoặc của cơ quan nhà nước thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001767)
6	1.000716.000.00.00.H34	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0266) 2) Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0267)
7	1.008722.000.00.00.H34	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	Quyết định số 664/QĐ-UBND	1) Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực

		tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	ngày 18/11/2024	sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1283</i>) 2) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1284</i>) 3) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1285</i>) 4) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi
--	--	---	------------------------	--

				sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1286) 5) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1271) 6) Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1288)
8	1.008723.000.00.00.H34	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phân tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1290) 2) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại

		thực hoạt động không vì lợi nhuận		diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1291</i>) 3) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1269</i>) 4) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1270</i>) 5) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1271</i>) 6) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ
--	--	-----------------------------------	--	--

				thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1272)
9	1.006446.000.00.00.H34	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1272) 2) Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1178) 3) Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37, 38 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm: Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng; Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng); Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo; Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính; Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh; - Quy chế đào tạo; Quy mô đào tạo (học sinh, học viên); Các quy định về học phí và các loại phí liên quan; Quy định về kiểm tra, đánh giá, công

				nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo; Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1179</i>) 4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được thông tin này từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì tổ chức, cá nhân không cần phải cung cấp văn bản này (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001768</i>) 5) Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1174</i>)
10	1.000718.000.00.00.H34	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Đơn đề nghị trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo giấy tờ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0268</i>) 2) Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0270</i>) 3) Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001482</i>) 4) Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục

				đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm: Danh sách hiệu trưởng (giám đốc), phó hiệu trưởng (phó giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng; Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng); Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo; Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính; - Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh; - Quy chế đào tạo; Quy mô đào tạo (học sinh, học viên); Các quy định về học phí và các loại phí liên quan; Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo; Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001483</i>) 5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được thông tin này từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì tổ chức, cá nhân không cần phải
--	--	--	--	---

				cung cấp văn bản này (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001770)
11	1.001495.000.00.00.H34	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Báo cáo kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ theo mẫu (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001771) 2) Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0395)
12	1.001493.000.00.00.H34	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1) Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0374) 2) Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0373)
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC DÂN TỘC			
1	1.005084.000.00.00.H34	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0651) 2) Đề án thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0652) 3) Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0885) 4) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung

				theo ý kiến chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0887)
2	1.005079.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001478) 2) Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001479) 3) Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001477)
3	1.005076.000.00.00.H34	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1158)
4	1.005081.000.00.00.H34	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0671) 2) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0882) 3) Văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan về các điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0883)

V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
1	1.005069.000.00.00.H34	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục. Văn bản phải ghi cụ thể: Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập trường; tên trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm đào tạo; chức năng, nhiệm vụ của trường; ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0854</i>) 2) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0855</i>) 3) Đề án thành lập trường nêu rõ: Sự cần thiết thành lập trường, đánh giá sự phù hợp của việc thành lập trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-</i>

				<i>KQ0856)</i> 4) Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0857)</i> 5) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0858)</i> 6) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường tư thực. Đối với trường tư thực, hồ sơ còn phải có: Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn; Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập;
--	--	--	--	--

				Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập; Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0859</i>)
2	1.005073.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép sáp nhập, chia, tách của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục. Văn bản phải ghi cụ thể: Lý do đề nghị sáp nhập, chia, tách, cho phép sáp nhập, chia, tách trường; tên trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm đào tạo; chức năng, nhiệm vụ của trường; ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0860</i>) 2) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0861</i>) 3) Đề án sáp nhập, chia, tách trường nêu rõ: Sự cần thiết sáp nhập, chia, tách trường, đánh giá sự phù hợp của việc sáp nhập, chia, tách trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình

				đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1045</i>) 4) Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1046</i>) 5) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1047</i>) 6) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1048</i>)
3	2.001988.000.00.00.H34	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Công văn của trường đề nghị giải thể nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0866</i>)
4	1.005082.000.00.00.H34	Cho phép hoạt động giáo	Quyết định số	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục

		dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0884</i>)
5	1.005354.000.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0867</i>) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0868</i>) 3) Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo đề án thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0869</i>) 4) Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0871</i>) 5) Thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo: Danh sách trích ngang cán bộ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý; Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo theo cam kết; thống kê cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chung toàn trường, số lượng và diện tích giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, các loại máy móc thiết bị, giáo trình, tài liệu, sách phục vụ hoạt động giáo dục; Nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Dự kiến chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh; + Chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo

				quy định (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0870)
6	2.001989.000.00.00.H34	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trong đó nêu rõ ngành đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0880) 2) Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên phù hợp với ngành đào tạo giáo viên đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo kèm theo các giấy tờ chứng minh (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0881)
7	1.005088.000.00.00.H34	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục. Văn bản phải ghi cụ thể: Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường; tên phân hiệu trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm đào tạo; chức năng, nhiệm vụ của phân hiệu trường; ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo; (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0909) 2) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt phân hiệu (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0910) 3) Đề án thành lập phân hiệu trường nêu rõ: Sự cần thiết thành lập phân hiệu trường, đánh giá sự phù hợp của việc thành lập phân hiệu trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở

				giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của phân hiệu trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0911) 4) Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0912) 5) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0913) 6) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây
--	--	--	--	---

				dựng phân hiệu trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng phân hiệu trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập phân hiệu trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu trường tư thực. Đối với trường tư thực, hồ sơ còn phải có: Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn. Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập; Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập; Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0914</i>)
8	1.005087.000.00.00.H34	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Công văn của trường đề nghị giải thể phân hiệu nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong phân hiệu trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0908</i>)
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC			
1	1.006388.000.00.00.H34	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho	Quyết định số 341/QĐ-UBND	1) Đề án thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1155</i>)

		phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực	ngày 06/7/2021	2) Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1156</i>) 3) Tờ trình về việc thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1154</i>)
2	1.005070.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông (theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001748</i>) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông (theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001749</i>) 3) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường trung học tư thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001750</i>)
3	1.006389.000.00.00.H34	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1158</i>)
4	3.000181.000.00.00.H34	Tuyển sinh trung học phổ thông	Quyết định số 241/QĐ-UBND) ngày 16/5/2023	1) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1360</i>) 2) Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung học

				cơ sở (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1361) 3) Học bạ cấp trung học cơ sở (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1362) 4) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1363) 5) Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1364)
5	2.002478.000.00.00.H34	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001439) 2) Học bạ (bản chính) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001440) 3) Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp trung học phổ thông quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc tư thục) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001441) 4) Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001442) 5) Giấy giới thiệu chuyển trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác) (Mã

				<i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ001443)</i>
6	2.002480.000.00.00.H34	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001444</i>) 2) Bản tóm tắt lý lịch (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001450</i>) 3) Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001451</i>) 4) Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001452</i>) 5) Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001453</i>) 6) Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001454</i>)
7	1.001088.000.00.00.H34	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Đơn xin học lại học sinh ký (<i>Mã TPHS: 0000.00.00.G03-KQ0336</i>) 2) Học bạ của lớp hoặc cấp học đó học (bản chính) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0337</i>) 3) Bằng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0338</i>) 4) Giấy xác nhận của chính quyền địa

				phương nơi cư trú về việc chấp hành chính sách và pháp luật của nhà nước (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0339</i>)
8	1.005074.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0671</i>) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1057</i>)
9	1.005067.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1016</i>)
10	2.002479.000.00.00.H34	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001445</i>) 2) Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001446</i>) 3) Bằng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0338</i>) 4) Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chính sách và pháp luật của nhà nước (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0339</i>)
VII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			

1	1.000729.000.00.00.H34	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0278) 2) Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0279) 3) Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0280) 4) Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo Phụ lục I, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Phụ lục II) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0281) 5) Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0282) 6) Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0283) 7) Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0284)
2	1.005143.000.00.00.H34	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng

				nước ngoài (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1001</i>) 2) Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1002</i>) 3) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1003</i>)
3	1.004435.000.00.00.H34	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0627</i>) 2) Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1338</i>) 3) Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công

				dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ001494</i>) 4) Hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12 (Mã <i>TPHS:000.00.00.G03-KQ0940</i>)
4	1.004436.000.00.00.H34	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP) (Mã <i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ0627</i>) 2) Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Mã <i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ001494</i>)
5	1.002982.000.00.00.H34	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu) (Mã <i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ0622</i>)
6	1.000288.000.00.00.H34	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Báo cáo tự đánh giá (Mã <i>TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135</i>) 2) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã <i>TPHS:</i>

				000.00.00.G03-KQ0248)
7	1.000280.000.00.00.H34	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0245) 2) Báo cáo tự đánh giá (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135)
8	1.000691.000.00.00.H34	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0258) 2) Báo cáo tự đánh giá (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135)
VIII	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC			
1	1.000715.000.00.00.H34	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã TPHS:

				000.00.00.G03-KQ0248) 2) Báo cáo tự đánh giá (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135)
2	1.000713.000.00.00.H34	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0245) 2) Báo cáo tự đánh giá (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135)
3	1.000711.000.00.00.H34	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0258) 2) Báo cáo tự đánh giá (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1135)
4	1.000259.000.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Công văn đăng ký đánh giá ngoài của trung tâm giáo dục thường xuyên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0232) 2) Báo cáo tự đánh giá của trung tâm giáo dục thường xuyên (2 bản) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0233)

IX	LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH			
1	1.003734.000.00.00.H34	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Bản sao một trong các giấy tờ: chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh kèm theo 01 giấy tờ có ảnh đóng dấu giáp lai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0626</i>) 2) Đơn đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0624</i>) 3) Hai (02) ảnh 4cm×6cm theo kiểu ảnh chứng minh nhân dân được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi; mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0625</i>)
2	1.005090.000.00.00.H34	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)	Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	1) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001496</i>) 2) Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001497</i>) 3) Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001498</i>) 4) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001502</i>) 5) Học bạ cấp trung học cơ sở (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001500</i>) 6) Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp

				trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001501</i>) 7) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001502</i>)
3	1.009394.000.00.00.H34	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	1) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1321</i>) 2) Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1322</i>) 3) Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1320</i>) 4) Giấy chứng nhận con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1323</i>)
X	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ			
1	1.005092.000.00.00.H34	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0920</i>) 2) Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy

				quyền của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ hoặc là Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp người đó đã chết thì còn phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0921</i>) 3) Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc gửi yêu cầu qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ theo quy định và 01 (một) phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, cơ sở giáo dục cấp bản sao (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0922</i>) 4) Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ, trong đó cung cấp các thông tin về văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1381</i>)
2	2.001914.000.00.00.H34	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	1) Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1190</i>) 2) Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1191</i>) 3) Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-</i>

				<i>KQ1192)</i> 4) Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1193</i>) 5) Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1194</i>) 6) Thông tin ghi trên các giấy tờ này phải phù hợp với đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ. Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ nêu trên là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1195</i>) 7) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ nêu trên là bản sao không có chứng thực thì người đề nghị chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ phải xuất trình bản chính để người tiếp nhận hồ sơ đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ phải ký xác nhận, ghi rõ họ tên vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1196</i>)
3	1.004889.000.00.00.H34	Công nhận bằng tốt nghiệp	Quyết định số	1) Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc

		trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	621/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001577</i>) 2) Bản sao phụ lục văn bằng hoặc bằng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001578</i>) 3) Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001579</i>) 4) Minh chứng thời gian học ở nước ngoài (nếu có): Quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động; hộ chiếu, các trang thị thực có visa, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học hoặc giấy tờ minh chứng khác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001580</i>) 5) Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT). Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng nộp hồ sơ trực tuyến thì cung cấp thông tin trực tiếp trên Mẫu Phiếu khai điện tử trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Sở Giáo dục và Đào tạo (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001576</i>)
B	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC DÂN TỘC			
1	2.001839.000.00.00.H34	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động	Quyết định số 341/QĐ-UBND	1) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-</i>

		giáo dục	ngày 06/7/2021	KQ0654)
2	2.001837.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0659) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0660) 3) Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0661)
3	2.001824.000.00.00.H34	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị cho phép chuyển đổi. Tờ trình cần nêu rõ phương án sử dụng cơ sở vật chất của trường, chế độ chính sách đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên sau khi trường chuyển đổi (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1060)
4	1.004496.000.00.00.H34	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0671) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0672)
5	1.004545.000.00.00.H34	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0690)

				2) Đề án thành lập trường theo quy định (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0691</i>)
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON			
1	1.004494.000.00.00.H34	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; của tổ chức hoặc cá nhân đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực cần nêu rõ sự cần thiết thành lập; tên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; địa điểm dự kiến làm trụ sở tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0669</i>) 2) Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0670</i>)
2	1.006445.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường mầm non (theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001930</i>); 2) Đề án sáp nhập, chia, tách trường mầm non (theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001931</i>) 3) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường mầm non tư thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001932</i>)
3	1.004515.000.00.00.H34	Giải thể trường mẫu giáo,	Quyết định số	1) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của

		trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	Ủy ban nhân dân cấp huyện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0684</i>) 2) Biên bản kiểm tra (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0685</i>) 3) Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trong đó nêu rõ lý do đề nghị giải thể, các biện pháp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ và nhân viên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; phương án giải quyết các tài sản của trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0686</i>)
4	1.006390.000.00.00.H34	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường mầm non với thời hạn tối thiểu 05 năm (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001927</i>) 2) Văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục (Đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thục) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001928</i>) 3) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người

				lao động và trẻ em; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ001929</i>) 4) Tờ trình đề nghị cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001926</i>)
5	1.006444.000.00.00.H34	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1) Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001591</i>)
III LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC				
1	1.004555.000.00.00.H34	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc thành lập trường (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ0651</i>) 2) Đề án thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0652</i>) 3) Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0653</i>)
2	1.004563.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001937</i>) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách, trường tiểu học (theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị

				định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001938) 3) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường tiểu học tư thục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001939)
3	1.001639.000.00.00.H34	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1) Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường tiểu học (theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001940) 2) Đề án giải thể trường tiểu học (theo Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001941)
4	1.005099.000.00.00.H34	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn xin chuyển trường của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001930) 2) Học bạ (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1313) 3) Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1315) 4) Thông tin về tài liệu học tập (tại trường đang học), tiến độ thực hiện chương trình (theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT), bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học

				sinh theo quy định (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1314)
5	2.001842.000.00.00.H34	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường tiểu học với thời hạn tối thiểu 05 năm (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001934) 2) Văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục (Đối với trường tiểu học tư thục) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001935) 3) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001601) 4) Tờ trình đề nghị cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001933)
6	1.004552.000.00.00.H34	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Quyết định số 692/QĐ-UBND	1) Văn bản thông báo các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo

			ngày 19/11/2024	minh chứng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001936)
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC			
1	1.004442.000.00.00.H34	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0651) 2) Đề án thành lập trường (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0652) 3) Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm hiệu trưởng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1063) 4) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1064)
2	2.001809.000.00.00.H34	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0659) 2) Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0660) 3) Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0661)
3	2.001818.000.00.00.H34	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0416)

4	3.000182.000.00.00.H34	Tuyển sinh trung học cơ sở	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	1) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1366</i>) 2) Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1367</i>)
5	2.002483.000.00.00.H34	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001444</i>) 2) Bản tóm tắt lý lịch (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001450</i>) 3) Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001451</i>) 4) Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001452</i>)) 5) Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001453</i>) 6) Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001454</i>)
6	2.001904.000.00.00.H34	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Do sở giáo dục và đào tạo quy định Khác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0707</i>)

7	1.005108.000.00.00.H34	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1) Đơn xin chuyển trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0954</i>) 2) Văn bản đồng ý của trường nơi xin chuyển đến (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0955</i>)
8	1.004444.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0657</i>) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0658</i>)
9	1.004475.000.00.00.H34	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	1) Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0663</i>)
10	2.002481.000.00.00.H34	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ kí (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001455</i>) 2) Học bạ (bản chính) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001456</i>) 3) Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001458</i>) 4) Giấy giới thiệu chuyển trường do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001459</i>)
11	2.002482.000.00.00.H34	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Quyết định số 263/QĐ-UBND	1) Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường

			ngày 13/4/2022	về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực) (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ001461</i>) 2) Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001462</i>) 3) Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài (nếu có) (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ001463</i>) 4) Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài (<i>Mã TPHS: 0000.00.00.G03-KQ001464</i>) 5) Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001465</i>)
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			
1	1.008724.000.00.00.H34	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	1) Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1283</i>) 2) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà

				trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyên sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1284) 3) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1285) 4) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1286) 5) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và
--	--	--	--	---

				phương án xử lý (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1287</i>) 6) Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1288</i>)
2	1.008725.000.00.00.H34	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	1) Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phân tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1290</i>) 2) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thục (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1291</i>) 3) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự

				thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1292</i>) 4) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1293</i>) 5) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ1294</i>) 6) Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giá Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có) (<i>Mã TPHS:000.00.00.G03-KQ1295</i>)
3	1.004438.000.00.00.H34	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã,	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với học sinh tiểu học theo Mẫu số 01, học sinh trung học cơ sở theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP) (<i>Mã TPHS:</i>

		thôn đặc biệt khó khăn		000.00.00.G03-KQ0633) 2) Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001494)
4	1.003702.000.00.00.H34	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu) (Mã TPHS: 00.00.00.G03-KQ0622)
5	1.001622.000.00.00.H34	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và Giấy khai sinh của trẻ em (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1304)
6	1.008950.000.00.00.H34	Trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1306) 2) Giấy khai sinh (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng

				thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001495)
7	1.008951.000.00.00.H34	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	1) Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1309) 2) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1310)
C	CẤP XÃ			
I	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC			
1	1.004441.000.00.00.H34	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	1) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến phụ trách cơ sở giáo dục (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0649) 2) Văn bản nhận bảo trợ của một trường tiểu học cùng địa bàn trong huyện (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0650) 3) Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục tiểu học (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0648)
2	1.004492.000.00.00.H34	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	1) Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục có thể thuê trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà nước, cơ sở giáo dục công lập không sử dụng để tổ chức hoạt

				động giáo dục theo quy định của pháp luật (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0667) 2) Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1338) 3) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của giáo viên hoặc người chăm sóc trẻ em (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0668)
3	1.004443.000.00.00.H34	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	1) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0654) 2) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0655) 3) Biên bản kiểm tra (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0656)
D	TTHC CHUNG CÁC CẤP			
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			
1	1.002407.000.00.00.H34	Xét, cấp học bổng chính sách	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Bản cam kết của sinh viên, có xác nhận của nhà trường nơi đang theo học (Theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1274) 2) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1278) 3) Giấy báo trúng tuyển (Mã TPHS:

				000.00.00.G03-KQ1276) 4) Đơn đề nghị (Theo Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1277) 5) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1275) 6) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp đối với học viên là người khuyết tật (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1279) 7) Trường hợp học viên chưa có giấy xác nhận khuyết tật thì bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1280) 8) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu thẻ thương binh đối với học viên là thương binh (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1281)
2	1.001714.000.00.00.H34	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng) (Mã TPHS:

		người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục		000.00.00.G03-KQ0443) 2) Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0444) 3) Đơn có xác nhận của nhà trường (theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0445) 4) Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng); (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ0446) 5) Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng) (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ1100)
3	1.005144.000.00.00.H34	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	1) Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo Mẫu đơn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001386) 2) Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo Mẫu đơn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001388) 3) Đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề

				nghiệp và giáo dục đại học công lập theo Mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001389) 4) Các đối tượng học sinh tiểu học tự thực được hỗ trợ tiền đóng học phí theo Mẫu đơn tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001387) 5) Đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực theo Mẫu đơn tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001390) 6) Đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập theo Mẫu đơn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001391) 7) Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001392) 8) Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp
--	--	--	--	---

				huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001393</i>) 9) Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001394</i>) 10) Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001395</i>) 11) Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001396</i>) 12) Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001397</i>) 13) Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc
--	--	--	--	--

				giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời đối với đối tượng được quy định tại khoản 17 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001399) 14) Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001400) 15) Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001401) 16) Giấy khai sinh và thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với đối tượng được quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Kể từ năm học 2024 - 2025 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2024) đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và kể từ năm học 2025 - 2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025)
--	--	--	--	---

				đối tượng quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chỉ phải nộp giấy khai sinh (Mã TPHS: 000.00.00.G03-KQ001488)
--	--	--	--	--

Tổng số: *Danh mục có 114 TTHC, gồm 346 thành phần hồ sơ phải số hóa.*